

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 346/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Châu L, sinh năm 2000; ĐKNKTT: ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh C.

Tạm trú: Đường Tân Hiệp 22, KP T, phường H, thị xã U, tỉnh D, (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh C, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Châu L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Chị và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Đình Thiên Th, sinh ngày 03/01/2018, hiện đang sống chung với anh B. Khi

ly hôn chị giao con cho anh B trực tiếp nuôi con, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

Do hiện nay chị đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Trần Văn B đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh B vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Châu L có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị, anh Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh B vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh B là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị L với anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Nay chị L xác định chị không còn tình cảm với anh B nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh B cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng và thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Chị L yêu cầu giao con chung tên Trần Đình Thiên Th, sinh ngày 03/01/2018 cho anh B trực tiếp nuôi, xét thấy: Hiện cháu Th đang sống cùng với anh B, anh B cũng không có ý kiến phản đối việc chị L giao cháu Th cho anh trực tiếp nuôi. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Đình Thiên Th cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Châu L về việc xin ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình Thiên Th, sinh ngày 03/01/2018 cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đinh Châu L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Châu L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001560 ngày 14/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Hòa Tân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã ký

Trương Thanh Quốc

